

Văn hóa gia tộc Việt Nam

Lâm Bá Hòa¹

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
Email: lamtuelam@due.edu.vn

Nhận ngày 14 tháng 11 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 12 năm 2018.

Tóm tắt: Văn hóa gia tộc ở Việt Nam có nhiều nét đặc thù, có những giá trị và hạn chế. Những giá trị nổi bật là: ý thức tìm về nguồn cội, việc ghi dấu ấn của những giá trị văn hiến trong dòng chảy văn hóa dân tộc, vai trò quan trọng trong giáo dục nhân cách cá nhân, góp phần khơi dậy tinh thần hiếu học trong dòng họ, gia tộc. Bên cạnh đó, văn hóa gia tộc còn có những hạn chế như: khuếch trương gia tộc, lợi dụng tâm linh, tín ngưỡng thờ cúng dòng họ để ganh đua; đưa quan hệ gia tộc vào trong quan hệ nhà nước; lối sống tiểu nông, gia trưởng, bè phái. Người Việt Nam cần nhận thức rõ giá trị và hạn chế của văn hóa gia tộc ở Việt Nam; từ đó, có giải pháp phù hợp để phát huy giá trị và khắc phục hạn chế.

Từ khóa: Gia tộc, văn hóa gia tộc, dòng họ, Việt Nam.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The clan culture in Vietnam bears many characteristics, with both values and limitations. Among them, the outstanding values are the sense of one's origin, the cultural and civilisation values imbued in the flow of the national culture, the important role in nurturing good personality, and the encouragement towards learning in the family and clan. Yet, the clan culture does have limitations such as being abused to boost the position of one's own clan, being abused in the spiritual activities and worship to vie with other clans, the family ties brought into the working relations in the offices, the petty peasant lifestyle, patriarchy and sectarianism. Vietnamese people should be clearly aware of the values and limitations of the clan culture, and, from that, find appropriate solutions to bring into full play the former and overcome the latter.

Keywords: Clan, clan culture, kin, Vietnam.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Việt Nam là một dân tộc có bề dày lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, là

một trong những quốc gia có nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc. Văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa động, dễ tiếp biến văn hóa chung của nhân loại. Văn hóa gia

tộc là một phần cơ bản của văn hóa Việt Nam cả trong truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, cho đến nay, văn hóa gia tộc Việt Nam vẫn chủ yếu được tiếp cận ở các nghiên cứu dân tộc học, ít được đề cập trong những nghiên cứu triết học cũng như các khoa học liên ngành. Bài viết này làm rõ thêm tính đặc thù của văn hóa gia tộc Việt Nam, những giá trị cũng như hạn chế của văn hóa gia tộc Việt Nam từ phương diện triết học.

2. Tính đặc thù của văn hóa gia tộc Việt Nam

Cho đến nay vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau về văn hóa gia tộc Việt Nam. Chẳng hạn, Trần Tử cho rằng: “Gia tộc Việt từ lâu đã giải thể đến mức gia đình nhỏ rồi, thậm chí trong tuyệt đại đa số các trường hợp là gia đình hạt nhân” [12, tr.41]; “mỗi gia đình nhỏ là một bếp riêng, với quyền sở hữu riêng và nền kinh tế riêng của mình. Như vậy, dòng họ không phải là một “đơn vị kinh tế”, vì các thành viên trong một dòng họ không ăn chung, không ở chung, và không có đất đai trồng trọt cùng sở hữu” [12, tr.41]; “làng Việt cổ truyền là một đơn vị tự cư được tập hợp chủ yếu theo quan hệ láng giềng” [12, tr.32, 38]. Phan Đại Doãn cho rằng: “Theo nghĩa rộng thì dòng họ, ngoài mối liên hệ ngang lại có mối liên hệ dọc đứng đến 9 đời (cửu tộc), ngoài ra còn có quan hệ nội ngoại, nhưng huyết thống bên nội vẫn luôn là huyết thống quyết định nhất”; “Theo nghĩa hẹp, gia tộc là quan hệ huyết thống (thân sơ khác nhau), có một mối quan hệ tín ngưỡng và kinh tế nhất định (có nhà thờ, có quỹ chung hoặc có ruộng hương hỏa như trước đây) nhưng không chung một ngôi nhà, một bếp, một

gia đình duy trì quan hệ ngang” [6, tr.127]. Phan Kế Bính cho rằng: “Trong thân thuộc là một gia tộc. Góp nhiều gia tộc này gia tộc khác mới thành ra nước, thành ra xã hội. Vậy thì hợp lại mà nói là một nước, phân ra mà nói thì là từng gia tộc một. Gia tộc tức là một đoàn thể nhỏ trong đoàn thể lớn như vậy” [4, tr.24]. Đào Duy Anh thì nhận định: “Gia tộc Việt Nam xưa nay có hai bậc một là nhà, hay tiểu gia đình gồm vợ chồng mẹ và con cái, hai là họ, hay là đại gia đình gồm cả đàn ông đàn bà cùng một ông tổ sinh ra, kể cả người chết và người sống. Thực vậy, trong gia tộc ở nước ta người chết đầu ở cảnh giới cao siêu, song vẫn thường dự đến cuộc sinh hoạt của gia đình, và những ngày lễ tết thầy đều tựu tập từ đường để cho người sống tế tự” [1, tr.109]. Theo Toàn Ánh: “Gia đình là một tập hợp nhỏ gồm tất cả mọi người quyền thuộc trong nhà - vì có những người quyền thuộc nhưng không ở trong gia đình: đây là những người quyền thuộc trong gia tộc còn được gọi là đại gia đình. Đại gia đình gồm nhiều gia đình đồng quyền thuộc. Gia đình còn được gọi là nhà, và gia tộc là họ. Gia đình gồm vợ chồng, trên có cha mẹ dưới có con cái, gia tộc gồm tất cả đàn ông, đàn bà cùng một ông tổ sinh ra, kể cả người chết và người sống” [2, tr.10]. Khi đề cập đến tính tôn ti trong quan hệ gia tộc, Văn Hạnh đã viết: “Những người cùng quan hệ huyết thống gắn bó mật thiết với nhau thành đơn vị cơ sở là gia đình và đơn vị cơ sở này lại cấu thành là gia tộc. Đối với người Việt Nam, gia tộc trở thành một cộng đồng gắn bó có vai trò quan trọng, thậm chí còn hơn cả gia đình. Bằng chứng là người Việt coi trọng trưởng họ, tộc trưởng, nhà thờ họ... từ đường, gia phả, ruộng kỵ, giỗ tổ, mừng thọ. Thuở xưa, có gia đình dù ở hạng cùng đinh cũng không bao giờ quên ngày giỗ họ.

Ở Việt Nam, làng và gia tộc (dòng họ) nhiều khi đồng nhất với nhau. Dấu vết hiện tượng “làng là nơi ở của họ” còn lưu lại đến ngày nay, ví dụ như, Đặng Xá là nơi ở của họ Đặng xưa kia, Ngô Xá, Đỗ Xá, Trần Xá, Nguyễn Xá, Lê Xá cũng chỉ tương tự như vậy... Trong làng, người Việt cho đến giờ vẫn thích sống theo lối đại gia đình: các cụ già lấy làm hãnh diện nếu họ đứng đầu một gia đình quần tụ được 3, 4 thế hệ (tam đại đồng đường, tứ đại đồng đường)” [9, tr.15-16]. Trần Trọng Dương cho rằng: “Ở Việt Nam, văn hóa dòng tộc chịu những biến thiên vũ bão của lịch sử, chính trị. Mỗi triều đại là một dòng họ. Đi theo dòng họ cầm quyền là nhiều dòng họ khác chung quyền lợi. Xáo trộn chính trị dẫn đến việc văn hóa gia tộc Việt luôn bị biến động và bị đứt gãy. Bởi thế, cứ mỗi lần thay đổi triều đại là một lần gia phả của các dòng họ trầm anh thế phệ bị đứt. Con cháu của các dòng họ này hoặc cải tên, đi biệt xứ; hoặc bị tru di cả dòng tộc. Đây cũng là bài toán khó trong nghiên cứu phả hệ ở Việt Nam” [11]. Léopold Cadière nhận xét: “Người Việt cho dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng thuộc về một họ, tức gia đình theo nghĩa rộng, tổ chức vững chắc, liên kết chặt chẽ bằng huyết thống, bằng những quyền lợi vật chất, bằng những niềm tin tôn giáo, bằng các mối dây luân lý của cộng đồng” [5, tr.241-242].

Từ những ý kiến trên cho thấy, theo tôi, văn hóa gia tộc Việt Nam mang nhiều nét đặc thù so với thế giới như sau.

Thứ nhất, các gia tộc ở Việt Nam không tách biệt với làng xã, mà liên quan chặt chẽ với làng xã trong một nền văn hóa nông nghiệp lúa nước. Trong đó, truyền thống gia tộc là một nhân tố tạo nên truyền thống làng xã, địa phương, và rộng hơn, tạo nên truyền thống dân tộc. Chính điều này đã tạo nên sự

khác biệt giữa gia tộc ở Việt Nam so với gia tộc ở các nước phương Tây.

Thứ hai, quan niệm chi phối đời sống của người dân cho rằng, mỗi người dân phải làm tròn bổn phận và nghĩa vụ đối với hai đối tượng quan trọng nhất: bên trong là họ hàng, bên ngoài là làng xóm. Điều này cho thấy, sống trong môi trường gia tộc, mỗi cá nhân luôn được đặt trong mối quan hệ với gia đình, và các thành viên trong nhiều gia đình có cùng chung huyết thống hoặc dòng họ cũng có mối quan hệ gắn kết theo trật tự sắp xếp tôn ti trên dưới rất rõ ràng, chặt chẽ và nghiêm ngặt. Vân Hạnh đã chỉ rõ: “Quan hệ huyết thống trong gia tộc là quan hệ theo hàng dọc, theo thời gian. Đây chính là cơ sở của tính tôn ti. Người Việt có hệ thống tôn ti trực tiếp rất chi li, phân biệt rạch ròi đến 9 thế hệ (gọi là cử tộc). Nếu chúng ta lấy bản thân mình làm trung tâm thì trên có: kỵ (cổ), cụ, ông, cha; dưới có: con, cháu, chút, chít. Hệ thống cử tộc này thuộc loại hiếm gặp trên thế giới và có nguồn gốc rất lâu đời. Tôn ti giáp tiếp (con chú con bác, anh em họ) cũng được quy định rất nghiêm ngặt; các cụ thường dạy con cháu: Xanh đầu con nhà bác, bạc đầu con nhà chú; Bé bằng củ khoai, cứ vai mà gọi” [9, tr.16].

Thứ ba, gia tộc có uy quyền rất lớn đối với mọi thành viên. Có thể nói, đối với một nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước điển hình như Việt Nam thì tổ chức nông thôn, mà cụ thể là gia đình, gia tộc ở các làng xã, được xem là quan trọng nhất. Quyền uy và trật tự của gia đình, gia tộc luôn được pháp luật bảo vệ thông qua các hương ước, lệ làng. Địa vị của gia đình, gia tộc trong xã hội được xem là cốt lõi. Sống trong môi trường xã hội như vậy, con người ta đã hoàn toàn bị hòa tan trong gia đình, gia tộc, mà ít quan tâm đến những vấn đề của quốc

gia đại sự (kiểu như: “Tinh thần gia tộc càng đậm đà chừng nào thì tinh thần quốc gia và xã hội càng bạc nhược chừng ấy”) [1, tr.26]. Trần Quốc Vượng đã nhận định: “Nghiên cứu văn hóa làng - văn hóa ngôn từ, văn chương truyền miệng, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo; nghiên cứu cơ cấu xã hội, môi trường xã hội Việt Nam trong văn hóa Việt Nam, nhiều học giả cho rằng chính “chủ nghĩa gia tộc” là cái giải thích tinh thần trọng đạo đức của người Việt Nam, là sự quy chiếu mọi giá trị đạo đức. Trong “chủ nghĩa gia tộc” ấy lại có đặc trưng cơ bản là duy tình, trong đó cốt lõi là ý thức trách nhiệm lâu dài và toàn vẹn đối với các thế hệ tiếp theo” [13, tr.37].

Thứ tư, truyền thống gia tộc được xem như một nghĩa vụ thiêng liêng mà mỗi thành viên trong gia tộc phải luôn có ý thức giữ gìn; nó không chỉ chi phối lớn đối với sự phát triển của các thành viên trong gia tộc, mà còn được xem như sợi dây ràng buộc để mỗi cá nhân tự ý thức về truyền thống của gia đình, gia tộc, dòng họ mình. Đó là sự đề cao vấn đề danh dự gia đình, gia tộc, là sự khuyến khích con cháu noi gương tổ tiên về truyền thống hiếu học, truyền thống đỗ đạt, làm quan, truyền thống làm kinh tế giỏi, truyền thống thượng võ, truyền thống có kết gia tộc... Với việc đề cao truyền thống của gia tộc, mỗi thành viên trong gia tộc không chỉ có bổn phận và nghĩa vụ tuân thủ gia lễ, gia phong, gia pháp, mà còn có bổn phận và nghĩa vụ phải cố gắng học hành, đỗ đạt, làm kinh tế giỏi để làm rạng rỡ cho gia tộc, xóm làng, phải luôn nuôi dưỡng trong mình lòng tự tôn gia tộc, phải góp sức tùy theo khả năng vào sự phát triển gia tộc những người kinh doanh thành đạt sẵn sàng giúp những người nghèo khó trong gia tộc vượt qua khó khăn, từng bước vươn lên trong cuộc sống.

Phan Kế Bính đã đề cập trong *Việt Nam phong tục* rằng: “Người ta đối với xã hội có nghĩa vụ chung, thì đối với gia tộc cũng phải có cái nghĩa vụ riêng. Nghĩa vụ riêng là gì? Là các cư xử trong gia đình. Ở trên kính dưới nhường, ở cho trong ấm ngoài êm là đủ. Nghĩa là trong họ hàng chỉ cốt lấy hòa mục làm đầu mà thôi” [4, tr.24].

Thứ năm, sức mạnh gia tộc, ý thức gia tộc thể hiện ở tinh thần đùm bọc, thương yêu nhau. Người trong một họ có trách nhiệm cứu mang nhau về vật chất (thể hiện ở câu “sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì”), hỗ trợ nhau về trí tuệ, tinh thần (thể hiện ở câu “nó lú nhưng chú nó khôn”) và đùm dắt nhau, làm chỗ dựa cho nhau về mặt xác lập địa vị xã hội (thể hiện ở câu “một người làm quan cả họ được nhờ”). Không chỉ được thể hiện ở tinh thần đùm bọc, tương thân tương ái, ý thức gia tộc còn thể hiện mạnh mẽ ở nhiều thiết chế văn hóa khác nhau của gia tộc, dòng họ (như: từ đường, nhà thờ tổ, lễ giỗ tổ, lập gia phả). Việc xây dựng từ đường, việc giỗ tổ, lập gia phả (tộc phả) hiện nay rất được coi trọng ở nhiều gia tộc. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng đặc trưng của người Việt, đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần không nhỏ vào việc thắt chặt các quan hệ họ hàng, gia tộc. Con người không phải bỗng dưng được sinh ra, mà phải có gia đình, gia tộc, đồng thời cảm nhận được bổn phận thiêng liêng của mình với gia tộc, đối với dòng họ và cộng đồng. Với người Việt Nam, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thật sâu sắc, đó không chỉ là tín ngưỡng thờ phụng tổ tiên và dòng họ, mà còn liên quan chặt chẽ đến vấn đề đời sống tâm linh. Không mấy ai không nghĩ đến phúc đức mà gia đình, gia tộc để lại cho con cháu, hay sự linh thiêng của ngôi mộ tổ. Sự ghi nhớ công ơn tổ tiên, hiểu rõ nguồn cội và sự phát triển, sự chuyển

dịch, sự thịnh suy của họ tộc sẽ giúp cho việc nhắc nhở con cháu phải thường xuyên nêu cao trách nhiệm đối với họ tộc.

3. Giá trị của văn hóa gia tộc ở Việt Nam

Một là, ý thức tìm về nguồn cội là một trong những giá trị tinh thần tiêu biểu hàng đầu của văn hóa gia tộc ở Việt Nam. Về điều này có ý kiến cho rằng: “Cách dựng gia tộc của ta cũng là một phong tục hay. Vì có nghĩa gia tộc thì người ta mới biết quý trọng cái thân tình để phụng sự tổ tông và khiến cho người ta phải lo lắng để di truyền cho con cháu” [4, tr.24-25]. Chính ý thức nguồn cội là sợi chỉ xuyên suốt các bộ phận của hệ thống cấu trúc xã hội, từ cá nhân đến gia đình, gia tộc, dòng họ, làng xã, vùng miền, quốc gia. Chính ý thức về nguồn cội trong văn hóa Việt Nam đã tạo thành nguồn lực nội sinh trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Dù ở đâu và bất cứ khi nào thì ý thức về nguồn cội, về tổ tiên, trước hết là tổ tiên dòng tộc, đã ăn sâu vào tâm trí, ngấm trong máu thịt mỗi người dân Việt Nam. Ý thức về nguồn cội trước hết được thể hiện rất rõ trong thờ cúng tổ tiên dòng tộc. Ngày giỗ tổ, ngày giỗ họ tại nhà thờ gia tộc, nhà thờ họ cùng những mối quan hệ khăng khít đời thường giữa những người cùng gia tộc, dòng họ và những sinh hoạt cộng đồng giúp cho mọi người xích lại gần nhau hơn, thắt chặt tình cảm và nâng cao tinh thần tương thân, tương ái.

Hai là, văn hóa gia tộc là một trong những bộ phận quan trọng hình thành văn hóa và văn hiến dân tộc. Về điều này có ý kiến cho rằng; “Ai cũng mong cho con cháu khá thì ai cũng phải làm trọng cái nghĩa vụ của mình, đem mồ hôi nước mắt ra gây

dựng cho kẻ mai sau; rồi thành ra mở núi phá rừng, sinh công nghiệp cũng bởi đó mà ra cả” [4, tr.25]. Thực tế cho thấy, ở những địa phương mà các gia tộc đã trải qua quá trình tồn tại và phát triển lâu đời cả ở nông thôn và thành thị, bên cạnh những làng nghề, gia tộc làm nghề cha truyền con nối, có không ít gia tộc khoa bảng, gia tộc văn hiến... Đây là những gia tộc đã sản sinh và trao truyền được những giá trị văn hóa tiêu biểu, những gương mặt hiền tài xuất chúng cho dân tộc, cho địa phương ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Tuy nhiên, đến nay vấn đề này chưa được nhìn nhận thật chân xác dưới một cái nhìn tổng quan. Vì thế, đánh giá đúng đắn vai trò của cá nhân, của gia tộc văn hiến, gia tộc khoa bảng trong việc hình thành văn hiến, văn hóa Việt Nam xưa và nay, thiết nghĩ, vẫn đang là một vấn đề rộng mở cần được nghiên cứu sâu hơn ở góc độ khoa học chuyên ngành hoặc liên ngành.

Ba là, văn hóa gia tộc đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục nhân cách của cá nhân. Việc giáo dục con cháu là trách nhiệm chung của cả gia đình và gia tộc. Như trên đã đề cập, ý thức gia tộc là nét văn hoá đặc sắc bao trùm lên vấn đề gia tộc. Vì vậy, với truyền thống gia tộc, người ta phải sống thế nào cho xứng đáng với truyền thống của cha ông, trước hết là trong cung cách đối xử với những người cùng máu mủ. Tình cảm dòng họ là một tình cảm tự nhiên và thiêng liêng, nảy sinh từ quan hệ máu thịt, nên cách ứng xử của người trong gia tộc với nhau bao giờ cũng khác với những người dung. Quan hệ gia tộc là chỗ dựa tinh thần cho mỗi cá nhân trong gia tộc, có nó, người ta không cảm thấy bị đứt đoạn với nguồn cội, không còn cảm thấy lạc lõng giữa cuộc đời đầy biến động. Mối quan hệ

gia đình và gia tộc là nhân tố quan trọng góp phần hình thành và phát triển nhân cách, trong đó có nếp sống, nếp ứng xử, giao tiếp giữa các cá nhân và xã hội. Như cha ông ta đã đúc rút ra từ cuộc sống: “một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “trên kính, dưới nhường”, “chị ngã, em nâng”, “sảy cha còn chú, sảy mẹ bú dì”, “anh em vì tổ vì tiên, không ai anh em vì tiền vì gạo”. Đây chính là những giá trị văn hoá đặc sắc của chủ nghĩa gia tộc ở Việt Nam, những giá trị đó không chỉ chứa đựng tính nhân văn, mà còn để lại những dấu ấn khó phai trong lịch sử, đồng thời có sức lan tỏa đến các thế hệ mai sau.

Bốn là, tinh thần hiếu học là nét độc đáo của dân tộc Việt Nam nói chung và của rất nhiều gia tộc ở nước ta nói riêng. Các gia tộc, dòng họ luôn đề cao, tôn trọng việc học tập, tôn trọng nhân tài, tôn sư trọng đạo, có những dòng họ dù nghèo khó đến đâu cũng vẫn khuyến khích con em trong dòng họ học hành. Đại đa số các dòng họ đều có quỹ khuyến học, có những phương pháp thúc đẩy ý thức học hành. Trong các quyền sử của hầu hết các dòng họ đều có phần “khoa danh trường biên”, ghi lại thành tích học hành khoa bảng của các cá nhân ở nhiều thế hệ khác nhau. Một số dòng họ, còn xây cả bia trong khuôn viên nhà thờ họ (gọi là bia “Bách danh tài”), để ghi tên những người có công lao đối với đất nước, làng xóm, dòng họ hoặc có những thành tích nổi bật trong học hành khoa bảng, làm rạng danh cho dòng họ. Như vậy, việc phát huy truyền thống gia tộc sẽ có nhiều tác động tích cực đến sự phát triển của cộng đồng. Gia đình nào cũng nằm trong dòng họ, nếu biết giáo dục con cháu hướng về tổ tiên, cha ông, giữ gìn đạo lý gia phong của dòng họ thì tác dụng to lớn của dòng họ sẽ

không ngừng được phát huy. Có thể nói, chính truyền thống dòng họ người Việt mang đậm chất nhân văn của nền văn minh nông nghiệp lúa nước cổ truyền, với ý thức sâu sắc về nguồn cội, đã trở thành nguồn sức mạnh tinh thần vô giá. Nó làm thức dậy lòng kiêu hãnh, tự hào, đốt cháy niềm phấn khích, đam mê, tiếp thêm sức mạnh tinh thần để cháu con bút phá vươn lên trở thành kẻ tài đức song toàn, nối nghiệp tổ tông, sáng danh dòng tộc, vinh hiển quốc gia. Sản sinh những tài năng, giáo dục nhân cách, cổ vũ tinh thần để góp phần phát triển những nhân tài đặc biệt, định hình nhân cách lớn cho nền văn hiến dân tộc, có thể nói, truyền thống gia tộc đã góp phần tạo dựng và nuôi dưỡng bản sắc văn hóa Việt Nam.

4. Hạn chế của văn hóa gia tộc ở Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội hiện nay, văn hóa gia tộc Việt Nam đang bộc lộ những mặt hạn chế.

Thứ nhất, hiện tượng phục hưng dòng họ, khuếch trương gia tộc ở nhiều nơi hiện nay gây ra những tác động tiêu cực trong xã hội. Trước hết, đó là hiện tượng bè phái, cục bộ đưa đến kèn cựa giữa các dòng họ, các gia tộc với nhau dẫn đến sự mất đoàn kết, giảm tính tương thân tương ái. Hiện nay, nhiều nơi ở nước ta vẫn còn hiện tượng dòng họ này, gia tộc kia gây thanh thế, tạo thế lực trong các tổ chức chính trị - xã hội, trong chính quyền ở nhiều nơi, như truyền thông phản ánh trong thời gian vừa qua, đã tạo nên những hình ảnh không hay. Đây chính là mặt trái của văn hóa gia tộc cần

phải hạn chế hoặc ngăn chặn. Điều này không phải bây giờ mới có. Ngay từ xưa, Phan Kế Bính đã viết: “Xét cách bầu cử tổng lý của ta khi xưa thật lắm phiền nhiễu mà phần nhiều dùng cách tư tình, những người làm việc chẳng qua lại là con cháu họ hàng với những chức sắc kỳ mục. Trừ ra những làng khó khăn không ai muốn làm không kể, còn về các làng tốt bổng, con cái nhà có thể lực tranh nhau mà ra, có mấy khi lọt vào tay người khác được. Vì thế lý dịch hay có bè đảng, mà nhất là hay a dua với hàng kỳ mục để dễ cho sự thâm vụng của mình” [4, tr.180].

Thứ hai, hiện tượng phục hồi các dòng họ, các gia tộc kéo theo sự phục hồi nhiều loại hình tín ngưỡng. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng mê tín, cúng tế, xôi thịt linh đình, lợi dụng tâm linh, tín ngưỡng trong thờ cúng tổ tiên, thờ cúng dòng họ (ganh đua xây cất nhà thờ họ, mộ tổ, từ đường hào nhoáng, tốn kém, tạo sức ép và gánh nặng cho cộng đồng nhỏ.

Thứ ba, hiện tượng liên kết gia tộc trong bộ máy cơ quan nhà nước là một vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Truyền thông báo chí và dư luận xã hội đã tốn nhiều giấy mực khi bàn về hiện tượng “cha truyền con nối” hay “một người làm quan, cả họ làm quan” như trường hợp của dòng họ Bí thư ở Hà Giang, hay việc cả nhà làm quan cấp huyện ở huyện A Lưới (Thừa Thiên - Huế), hoặc “dòng họ trị” tại Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng. Việc gia tộc Nehru - Gandhi ở Ấn Độ ba đời làm lãnh đạo; gia đình Bush hai đời cha con làm tổng thống Mỹ, cha con ông Lý Quang Diệu thay nhau quản lý đất nước Singapore... khác với “phong trào” “cha truyền con nối” ở Việt Nam. Bởi thực tế ở nước ta hiện nay, chính quyền các cấp ở nhiều địa phương vẫn còn

tình trạng “Đảng ủy họ”, “Đảng ủy đồng hương” [3, tr.100]. Việc đề bạt, bổ nhiệm ở nhiều địa phương hiện nay cốt sao “phải con cháu nhà mình” ngồi vào, chứ không phải là “ao nước lã”. Ví như, giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Bình (Đồng Tháp) bổ nhiệm con trai mình khi mới có 6 tháng “kinh nghiệm công tác”; một người vừa được làm Cục trưởng đã đề nghị bổ nhiệm vợ của mình làm cục phó, v.v..

Thứ tư, trong đời sống xã hội, nhất là ở đô thị, việc mở rộng quan hệ ứng xử gia đình - gia tộc - dòng họ ở nông thôn ra phạm vi toàn xã hội đã và đang bộc lộ những mặt hạn chế (như lối sống tiểu nông, thói gia trưởng, sự hành xử và làm việc tùy tiện, nhịp độ lao động chậm, thói ti tiện bè phái, cách xưng hô và ứng xử kiểu gia đình chủ nghĩa...). Tất cả những hạn chế này đều không phù hợp với chuẩn mực ứng xử của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm, dựa vào thế có người nhà, người thân trong gia tộc có chức có quyền để bóp méo luật pháp, làm ăn sai trái. Người Việt Nam có câu “Một người làm quan cả họ được nhờ”; đồng thời cũng có câu khác rằng “Một người làm nên cả họ được cậy, một người làm bậy cả họ hổ danh”. Trên thực tế, trong nhiều cơ quan, tổ chức, đặc biệt là ở cơ quan hành chính nhà nước, nhiều người vẫn lấy tiêu chí “người nhà”, coi việc thu vén cho người nhà là trách nhiệm với gia đình, gia tộc, khi tuyển dụng, bổ nhiệm, đã bỏ qua các quy định của tổ chức, của pháp luật. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng công việc, đến việc thu hút chất xám, mà còn để lại hậu quả xấu cho tổ chức (vì có sự xuê xoa, bao che, dung túng, phó mặc kỷ cương luật pháp cho người thân trong gia đình, gia tộc

khi xảy ra sai phạm). Không chỉ vậy, hiện tượng “nấp bóng, dựa hơi” người thân trong gia tộc, gia đình để tác oai, tác quái, làm những việc trái với quy tắc của nghề nghiệp, trái với quy định của pháp luật, vẫn diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cơ quan tổ chức. Khi đề cập đến vấn đề này, ngay từ những ngày đầu giành được độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã viết trong “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” đăng trên Báo Cứu quốc rằng: “Tư túng - Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai” [10, tr.65].

5. Kết luận

Khi nghiên cứu về diễn trình phát triển của văn hóa dân tộc, chúng ta không thể không đề cập đến văn hóa gia tộc. Đó là một hiện tượng văn hóa - xã hội đặc thù của một nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, đồng thời nó nằm trong một kết cấu đan xen phức tạp và mang tính lịch sử cụ thể. Bởi vậy, việc tìm hiểu văn hóa gia tộc ở Việt Nam, chỉ ra những giá trị và hạn chế của loại hình văn hóa này sẽ góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Khi nghiên cứu về văn hóa gia tộc và chỉ ra tính hai mặt của nó, chúng ta không những cần chỉ ra những nét độc đáo, sự khác biệt, những giá trị của văn hóa dân tộc, mà còn phải chỉ ra những hạn chế đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [2] Toan Ánh (2010), *Nếp cũ - Trong họ ngoài làng, ta về ta tắm ao ta, phong tục xưa đối với người phụ nữ Việt Nam*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [3] Nhị Lê Bảo (2017), “Việc Đảng - “việc họ””, *Tạp chí Cộng sản (Chuyên đề cơ sở)*, số 893.
- [4] Phan Kế Bính (2004), *Việt Nam phong tục*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Léopold Cadière (2006), *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [6] Phan Đại Doãn (2010), *Làng xã Việt Nam - một số vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
- [8] Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Văn Hạnh (2009), *Văn hóa dòng họ*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Sơn Tùng, Mỹ Mỹ (2015), *Văn hóa gia tộc: Họ hàng nhiều, chung huyết thống bao nhiêu?* <http://thethaovanhoa.vn/van-hoa-giai-tri/van-hoa-gia-toc-ho-hang-nhieu-chung-huyet-thong-bao-nhieu-n20151111141636404.htm>, truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2018.
- [12] Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [14] Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.